

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2017/HNGĐ- ST

Ngày: 20/9/2017

V/v: “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường

Ông Lưu Trọng Kim

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Công Quảng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 279/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02/8/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Bích Q., sinh năm 1982. Địa chỉ: số 19, đường số 2, tổ 6, thôn 4, xã Đức Hạnh, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Trần Văn N., sinh năm 1982. Địa chỉ: số 19, đường số 2, tổ 6, thôn 4, xã Đức Hạnh, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2017 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 02/8/2017, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đặng Thị Bích Q. trình bày: Bà và anh Trần Văn N. tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 04/3/2002. Vợ chồng bà có 02 con chung là Trần Tiến Đ., sinh ngày 18/10/2003 và Trần Tiến P., sinh ngày 13/11/2011. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai đều không cảm thông và luôn khắt khẫu nhau. Vì thương các con, bà đã cố kiềm nén chịu đựng. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa bởi tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân thật sự không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết để được ly hôn với anh Trần Văn N..

Về con chung: Khi ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. và anh N. trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ., không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn N. trình bày: Vợ chồng ông chung sống với nhau đã hơn 15 năm nay, đã từng chia ngọt sẻ bùi và ông đã từng có lỗi lầm với vợ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông đồng ý giao con P. cho bà Q. trực tiếp nuôi dưỡng và ông sẽ nuôi con Đ.. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N. không tranh chấp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 khi tiến hành tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đúng, đủ quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành theo triệu tập của Tòa án; Về nội dung vụ án thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ

có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hôn nhân giữa bà Q. và ông N. không còn hạnh phúc. Nay ông bà đã thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: Về hôn nhân: Ông N. thuận tình ly hôn với bà Q.; Về con chung: Ông N. và bà Q. đã thỏa thuận ông N. nuôi cháu Đ. và bà Q. nuôi cháu P., không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp; Về án phí: Bà Q. đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử công nhận toàn bộ thỏa thuận của các đương sự là đúng pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện và căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử.

[4] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[5] Về nội dung: Xét thấy bà Q. và ông N. tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét thấy ông bà đều thừa nhận có 02 người con chung là Trần Tiến Đ., sinh ngày 18/10/2003 và Trần Tiến P., sinh ngày 13/11/2011. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Bà Q. khai rằng, trong thời gian kết hôn và sống chung với ông N., vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nội dung này đã được ông N. thừa nhận. Qua lời khai của các đương sự tại phiên tòa thì có

căn cứ xác định giữa bà Q. và ông N. đã có thời gian dài xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng nghi kỵ, mất lòng tin lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tại phiên tòa, các đương sự đã thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Ông N. và bà Q. thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông N. đồng ý trực tiếp nuôi con Đ. và bà Q. đồng ý trực tiếp nuôi con P.. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Q. đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Căn cứ Điều 55, khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án và thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con Đ. đã trên 07 tuổi nên cần công nhận thỏa thuận này cho các đương sự là hoàn toàn phù hợp và đúng pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, khoản 2 Điều 81 và Điều 82 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008. Tuyên xử:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Bà Đặng Thị Bích Q. và ông Trần Văn N..

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Bích Q. và ông Trần Văn N. thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà Đặng Thị Bích Q. được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con: Trần Tiến P., sinh ngày 13/11/2011. Ông Trần Văn N. được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con: Trần Tiến Đ., sinh ngày 18/10/2003. Bà Q. và ông N. có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Đặng Thị Bích Q. phải chịu 300.000đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013198 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà Q. đã nộp đủ ứng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (20/9/2017), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã Đức Hạnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa